

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định về quản lý lưu vực sông;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 62/2005/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo, Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP và các PVP;
- Lưu: VT, KTN (Nhã, Tâm).65

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature: Lê Văn Nghĩa

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 17/9/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về điều tra cơ bản, quy hoạch tài nguyên nước và bảo vệ nguồn nước; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên nước; tài chính về tài nguyên nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; các hành vi bị nghiêm cấm

Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; các hành vi bị nghiêm cấm thực hiện theo Điều 3, Điều 9 Luật Tài nguyên nước.

Chương II

**ĐIỀU TRA CƠ BẢN, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC
VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC**

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Luật Tài nguyên nước; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh phê duyệt và gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Điều 5. Kiểm kê tài nguyên nước

1. Việc kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện định kỳ năm (05) năm một lần, phù hợp với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Trách nhiệm kiểm kê tài nguyên nước: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm kê tài nguyên nước, tổng hợp kết quả kiểm kê trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

3. Nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Trách nhiệm điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

a) Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; tổng hợp kết quả điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

2. Nội dung, biểu mẫu điều tra, nội dung báo cáo và trình tự thực hiện điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Kinh phí lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước từ ngân sách nhà nước của tỉnh.

3. Định mức, đơn giá, quy chuẩn kỹ thuật và hồ sơ quy hoạch tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng và các sở, ban ngành tỉnh có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của mình và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là UBND cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác

cơ sở dữ liệu về sử dụng nước của mình và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

Điều 9. Bảo vệ tài nguyên nước

1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan và UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức điều tra, xác định các nguồn nước phải lập danh mục để xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước và tổ chức công bố, quản lý theo quy định.

2. Lập, quản lý hành lang vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện, tham mưu cho UBND tỉnh xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

3. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, tham mưu cho UBND tỉnh công bố thông tin chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước.

4. Bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tiền Giang thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; mức độ xâm nhập mặn theo các triền sông vào nội địa; cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Khu vực cấm, tạm thời cấm khai thác cát, sỏi, các khoáng sản khác trên sông

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi có dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông, xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục; tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát và các khoáng sản khác.

Điều 11. Công tác trám lấp giếng không sử dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện định kỳ tổ chức điều tra, thống kê, phân loại, lập danh mục các giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh để tổ chức trám lấp theo quy định nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất.

2. Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện việc trám lấp giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

Chương III

KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Điều 12. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép

Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép thực hiện theo Điều 16 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 13. Đăng ký khai thác nước dưới đất

Đăng ký khai thác nước dưới đất thực hiện theo Điều 17 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và Điều 4, Điều 6 của Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 14. Nguyên tắc, căn cứ cấp phép và thời hạn giấy phép

Nguyên tắc, căn cứ, điều kiện cấp phép và thời hạn cấp phép áp dụng theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và Điều 6, Điều 7 của Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 15. Gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực, cấp lại giấy phép

1. Gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực, cấp lại giấy phép tài nguyên nước áp dụng theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

2. Gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất áp dụng theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10,

Điều 15 của Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 16. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất và cơ quan tiếp nhận, quản lý hồ sơ, giấy phép

Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất và cơ quan tiếp nhận, quản lý hồ sơ, giấy phép thực hiện theo Điều 28, Điều 29 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và Điều 11, Điều 12 của Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 17. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; sử dụng nước mặt và nước biển; xả nước thải vào nguồn nước; hành nghề khoan nước dưới đất

1. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; sử dụng nước mặt và nước biển; xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

2. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 18. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép tài nguyên nước, hành nghề khoan nước

Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép tài nguyên nước, hành nghề khoan nước thực hiện theo Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất

Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo Điều 38, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và Điều 4 của Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC, CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 20. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường bao gồm:

a) Tham mưu UBND tỉnh:

- Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

- Tổ chức thực hiện lập quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt;

- Tổ chức công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền, khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông;

- Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước.

c) Tiếp nhận, thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép và trình UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác về hoạt động tài nguyên nước đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

d) Thành lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo trước khi trình UBND tỉnh cấp giấy phép trong các trường hợp sau:

- Thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm;

- Khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm;

- Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 200 kw đến dưới 2.000 kw;

- Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³/giây đến dưới 2 m³/giây;

- Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 500m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.

đ) Hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã việc cấp, đăng ký, quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

e) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ

tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn.

g) Xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước.

h) Hướng dẫn và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

i) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, cấp xã và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các nguồn nước phải, lập hành lang bảo vệ và thực hiện phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của UBND cấp huyện, cấp xã

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của UBND cấp huyện:

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

b) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền.

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

đ) Tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn, xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ sông, suối, kênh, rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn và phối hợp thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cấm mốc giới được phê duyệt.

g) Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

h) Định kỳ trước ngày 15/12 tổng hợp tình hình hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân và tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các cá nhân và hộ gia đình báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của UBND cấp xã:

a) Giám sát các tổ chức, cá nhân hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn, định kỳ ba (03) tháng báo cáo tình hình hoạt động về UBND cấp huyện.

b) Thống kê, cập nhật tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các cá nhân và hộ gia đình, định kỳ trước ngày 05/12 hàng năm báo cáo tình hình về UBND cấp huyện.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp cùng các cấp, các ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ một cách hiệu quả, có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng các công trình thủy lợi, khôi phục nguồn nước bị suy thoái cạn kiệt để bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

c) Tổng hợp tình hình khai thác tài nguyên nước phục vụ cho ngành nông nghiệp, cuối năm báo cáo cho UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước toàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung.

3. Sở Giao thông Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh và địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác và bảo trì mạng lưới đường thủy nội địa do tỉnh quản lý.

b) Tổng hợp tình hình khai thác tài nguyên nước phục vụ cho ngành giao thông vận tải, cuối năm báo cáo cho UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước toàn tỉnh.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước đến các đối tượng học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và địa phương, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư hàng năm và dài hạn cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

6. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cân đối, bố trí kinh phí hàng năm cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan thẩm định các đề tài nghiên cứu, các ứng

dụng thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai, chuyển giao ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

8. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã có liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp vi phạm các quy định về quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

9. Sở Y tế: chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát và lấy mẫu xét nghiệm chất lượng nước cấp dùng cho ăn uống và sinh hoạt định kỳ tại tất cả các cơ sở cung cấp nước khu vực nông thôn, mạng phân phối cấp nước khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân, cơ quan chức năng. Tham mưu UBND tỉnh công bố thông tin về chất lượng nước đối với các trạm cấp nước không đạt chất lượng.

10. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và UBND cấp huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch khai thác tài nguyên nước phục vụ cho an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

11. Công ty TNHH một thành viên cấp nước Tiền Giang và Công ty TNHH một thành viên cấp nước nông thôn Tiền Giang: cung cấp sơ đồ, bản đồ khoanh vùng và công bố công khai những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chịu trách nhiệm đảm bảo việc cung cấp đủ lưu lượng và chất lượng nước cho các tổ chức, cá nhân tại những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

12. Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tiền Giang: cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường danh mục và vị trí các trạm thủy văn chuyên dùng, tài liệu khí tượng thủy văn hiện có và số liệu các yếu tố khí tượng thủy văn quan trắc được khi Sở có đề nghị để báo cáo cho UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ hàng tuần, tháng, mùa, có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả quan trắc khí tượng thủy văn và môi trường.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tiền Giang và đề nghị Báo Ấp Bắc: tổ chức đưa tin tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh: trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Chương V

TÀI CHÍNH VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 23. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thực hiện theo Điều 40 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 24. Phí, lệ phí cấp phép tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân khi được cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác về hoạt động tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất phải nộp tiền phí, lệ phí cấp phép theo quy định.

2. Về mức thu phí, lệ phí được áp dụng theo quy định, hướng dẫn của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng các chính sách về thuế tài nguyên nước áp dụng trên địa bàn tỉnh. Đối với các loại phí, lệ phí liên quan đến tài nguyên nước, đơn vị thu phí, lệ phí có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm: các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn quản lý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo phải nêu rõ tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

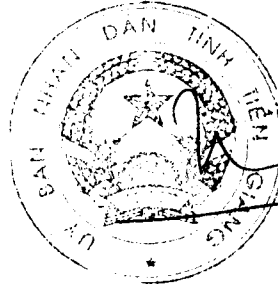
3. Nội dung, biểu mẫu báo cáo sử dụng tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 26. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./*ph*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ^{me}
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nghĩa